

Bản án số: 209/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/06/2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2903/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1985

Địa chỉ: 42/7E L1 Tôn Thất Thiệp, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen Thanh N, sinh năm 1982

Địa chỉ: 7005 Ridgeway Dr., Springfield, VA 22150, Hoa Kỳ.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Ông Trần Quang N1, sinh năm 2001 (Theo giấy ủy quyền ngày 16/4/2024 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 143-04/2024-GUQ ngày 16/4/2024).

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Nguyen Thanh N kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2018.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau tại Việt Nam một thời gian ngắn, sau đó do công việc nên ông Nguyen Thanh N quay trở về Hoa Kỳ, thỉnh thoảng ông Nguyen Thanh N có về Việt Nam thăm bà. Thời gian gần đây ông N

không có điều kiện trở về Việt Nam nữa, bà không thể sang Hoa Kỳ để sinh sống nên hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, việc sống xa nhau nên không có điều kiện vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, bà và ông Nguyen Thanh N đã nói chuyện với nhau và hai bên thống nhất ly hôn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Thanh N để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyen Thanh N trình bày tại bản tự khai ngày 16/4/2024 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số chứng nhận 145-04/2024-CNLS ngày 16/4/2024 có nội dung như sau: Ông và bà Huỳnh Thị Mỹ H kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2018.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng ông thống nhất như trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ H. Ông được biết bà Huỳnh Thị Mỹ H đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ H ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H, bị đơn ông Nguyen Thanh N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Nguyen Thanh N đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H, bị đơn ông Nguyen Thanh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Nguyen Thanh N có đăng ký kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Nguyen Thanh N trình bày: Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau tại Việt Nam một thời gian ngắn, sau đó do công việc nên ông Nguyen Thanh N quay trở về Hoa Kỳ, thỉnh thoảng ông Nguyen Thanh N có về Việt Nam thăm bà. Thời gian gần đây ông N không có điều kiện trở về Việt Nam nữa, bà không thể sang Hoa Kỳ để sinh sống nên hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, việc sống xa nhau nên không có điều kiện vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, bà và ông Nguyen Thanh N đã nói chuyện với nhau và hai bên thống nhất ly hôn. Nay cả hai đã sống ly thân, không chung sống cùng nhau và cũng không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, việc hàn gắn là không thể thực hiện được.

Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyen Thanh N, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Nguyen Thanh N có bản tự khai ngày 16/4/2024 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số chứng nhận 145-04/2024-CNLS ngày 16/4/2024 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ H.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H, ông Nguyen Thanh N đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Mỹ H xin ly hôn và ông Nguyen Thanh N đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H, ông Nguyen Thanh N xác định không có nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H, ông Nguyen Thanh N xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Nguyen Thanh N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Nguyen Thanh N thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Không có

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị Mỹ H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Huỳnh Thị Mỹ H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0032684 ngày 26/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Bà Huỳnh Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Nguyen Thanh N được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

